TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 212/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 2, ngày 28 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212; Điều 213; Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 134/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Phạm Minh H, sinh năm 1993;

Địa chỉ thường trú: Số 204, Nhà A, tập thể B, phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội;

Địa chỉ tạm trú: Căn hộ 603, chung cư D1, Khu phố E, phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Nguyễn Phương T, sinh năm 1994;

Địa chỉ thường trú: Số 204, Nhà A, tập thể B, phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội;

Địa chỉ tạm trú: Căn hộ 603, chung cư D1, Khu phố E, phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Quận 2 nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 2.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20/7/2020 và Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân Quận 2 nhận thấy:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2017 do Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố C cấp ngày 02/3/2017 thì quan hệ hôn nhân giữa ông ông H và bà T là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng ông H, bà T không hạnh phúc do tính không hợp, bất đồng quan điểm. Ông H, bà T xác định không còn tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn để ổn định cuộc sống, chăm lo cho các con.

Xét quan hệ hôn nhân của ông H, bà T là không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của cả hai là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Ông H, bà T cùng xác nhận có 01 con chung là Phạm Đăng H, sinh ngày 22/8/2018. Sau khi ly hôn, hai bên thống nhất giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông H, bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, ông H tự nguyện chịu toàn bộ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông ông Phạm Minh H, sinh năm 1993 và bà Nguyễn Phương T, sinh năm 1994.

Quan hệ hôn nhân của ông H, bà T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2017 do Ủy ban nhân dân phường Phương Mai, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/3/2017 chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông H, bà T cùng xác nhận có 01 con chung là Phạm Đăng Huy, sinh ngày 22/8/2018. Sau khi ly hôn, hai bên thống nhất giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền và nghĩa vụ của ông H, bà T về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung được thực hiện

theo qui định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết hai bên đều có thể xin thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông H, bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Phạm Minh H tự nguyện chịu toàn bộ, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0027491 do Chi cục thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 07 tháng 5 năm 2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận 2;
- Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Trúc Chi